

Số /QĐ-TTKHCN

Lạng Sơn, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thông tin năng lực đủ điều kiện thực hiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LẠNG SƠN

*Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-SKHCN ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn về việc giao phụ trách Trung tâm Khoa học và Công nghệ Lạng Sơn;*

*Căn cứ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 01/GCN-SXD ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn;*

*Xét đề nghị của Phụ trách phòng Đo lường – Thử nghiệm.*

**Điều 1. Công bố thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

1. Tên tổ chức: **Trung tâm Khoa học và Công nghệ Lạng Sơn**

Địa chỉ: Tổ 5, khối 18, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn

Mã số thuế: 4900827336

Điện thoại: 0205.3878.984; Email: trungtamkcnls@gmail.com;

2. Các Quyết định, giấy phép hoạt động của tổ chức:

- Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc Thành lập Trung tâm Ứng dụng, phát triển khoa học – công nghệ và đo lường, chất lượng sản phẩm trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn;

- Quyết định số 45/QĐ-SKHCHN ngày 01/3/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn về việc Đổi tên và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn;

- Phòng thí nghiệm đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 01/GCN-SXD ngày 25/3/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn, mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 36.002**.

## **Điều 2. Công bố thông tin phòng thí nghiệm:**

- Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng **LAS-XD 36.002** (thuộc phòng chuyên môn Đo lường – Thử nghiệm)

- Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 428 đường Hùng Vương, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn.

## **Điều 3. Công bố thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm**

1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng.
2. Danh mục máy móc, thiết bị để thực hiện.
3. Thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm.

*(Có phụ lục kèm theo quyết định)*

## **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Phụ trách Văn phòng, phụ trách phòng Đo lường - Thử nghiệm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4(T/hiện);
- Sở KHCHN (b/c);
- Lưu VT, ĐL-TN.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Mạnh Tường**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTKHCN ngày / /2026 v/v công bố công khai thông tin năng lực đủ điều kiện thực hiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Trung tâm Khoa học và Công nghệ Lạng Sơn)

### 1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký đủ điều kiện hoạt động:

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Các chỉ tiêu kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
1	2	3	4
<b>I THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG</b>			
1.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 13605:2023	Sàng 0.08, Cân KT, bình đong...
2.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích, hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng	TCVN 6017:2015	Cân, ống đong, dụng cụ vicat...
3.	Xác định cường độ	TCVN 6016:2011	Máy nén, khuôn uốn, thước kẹp...
<b>II THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>			
1.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006	Sàng tiêu chuẩn, cân KT
2.	Xác định khối lượng riêng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006	Thùng đong TC, cân kỹ thuật...
3.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	Cân kỹ thuật, sang, tủ sấy, bình tỷ trọng...
4.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	Hộp đựng mẫu, cân kỹ thuật, tủ sấy...
5.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	cân kỹ thuật, tủ sấy, chậu nhôm...
6.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Bếp cách thủy, cân kỹ thuật...
7.	Xác định cường độ và hệ cơ hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy nén, cắt đá, thước kẹp...
8.	Xác định độ nén dập, hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy nén, cân kỹ thuật, tủ sấy...

9.	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006	Máy mài mòn Los Angeles, cân...
10.	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Thước kẹp, cân kỹ thuật
11.	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy...
<b>III</b>	<b>THỬ NGHIỆM HỖ HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẠNG</b>		
1.	Xác định độ sụt của bê tông	TCVN 3106:2022	Côn thử sụt...
2.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Bình ngậm mẫu, tủ sấy...
3.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022	Máy nén BT, thước kẹp
<b>IV</b>	<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY</b>		
1.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	Bộ đồng tiêu chuẩn, cân KT, tủ sấy...
2.	Xác định độ lưu động, khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	Cân Kt, thước kẹp, bay chải trộn...
3.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân Kt, bình đong bằng kim loại...
4.	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022	Khay đựng vữa, kim đâm xuyên, đồng hồ bấm dây, bay chải...
5.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân Kt, tủ sấy, thước kẹp, cân thủy tinh...
6.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2022	Khuôn bằng kim loại, thùng bảo dưỡng mẫu, chày đầm mẫu...
7.	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022	Cân Kt, tủ sấy, thùng ngậm mẫu...
8.	Xác định thời gian điều chỉnh	TCVN 9028:2011	Đồng hồ bấm dây, cân KT, thùng ngậm mẫu...
9.	Xác định hàm lượng ion clo trong vữa	TCVN 3121-17:2022	Cân KT, thùng ngậm mẫu...
<b>V</b>	<b>THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY</b>		
1.	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước kẹp...
2.	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén, cân kt, tủ sấy...

3.	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy nén, thước kẹp...
4.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, cân, thùng ngâm mẫu...
5.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Tủ sấy, cân, thước kẹp
6.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân kt, thước kẹp, cát nhỏ...
<b>VI THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẸ</b>			
1.	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan	TCVN 9030:2017	Thước kẹp...
2.	Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cách và độ phẳng mặt	TCVN 9030:2017	Thước kẹp, thước thẳng, thước lá...
3.	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017	Máy kéo nén...
4.	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu...
5.	Xác định độ co khô	TCVN 9030:2017	Cân kỹ thuật, tủ sấy
<b>VII THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG</b>			
1.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016	Thước kẹp...
2.	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:2016	Máy nén...
3.	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016	Thùng ngâm mẫu, cân KT...
4.	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016	Thùng ngâm mẫu, cân KT...
5.	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016	Cân, thước kẹp, cát nhỏ...
<b>VIII THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN</b>			
1.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999	Thước kẹp...
2.	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999	Máy nén...
3.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Thùng ngâm mẫu, cân KT...
<b>IX THỬ NGHIỆM CÁT NGHIÊN CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>			
1.	Xác định thành phần hạt	TCVN 9205:2012	Cân Kt, thùng đựng mẫu, khay đựng, tủ sấy...
2.	Xác định hàm lượng sét	TCVN 9205:2012	Cân Kt, thùng đựng mẫu, khay đựng, tủ sấy...
3.	Xác định khả năng phản ứng kiềm – silic trong cát nghiền	TCVN 9205:2012	Cân Kt, thùng đựng mẫu, khay đựng, tủ sấy...
4.	Xác định hàm lượng ion Cl-	TCVN 9205:2012	Cân Kt, thùng đựng mẫu, khay

			đựng, tủ sấy...
5.	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 75mm	TCVN 9205:2012	Cân Kt, thùng đựng mẫu, khay đựng, tủ sấy...
<b>X</b>	<b>PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO BÊ TÔNG</b>		
1.	Xác định váng dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506:2012	Quan sát bằng mắt thường
2.	Xác định lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	Ống đong thủy tinh, pipet, thuốc thử
3.	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011	Máy đo độ pH
4.	Xác định tổng hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1998	Bếp khuấy từ gia nhiệt, cân KT, tủ sấy, cốc đong thủy tinh, pipet
5.	Xác định lượng cặn không tan	TCVN 4560:1998	Cân KT, tủ sấy, cốc đong thủy tinh, pipet
6.	Xác định hàm lượng ion sunfat	TCVN 6200:1996	Bình thủy tinh có vòi, cân KT, phễu lọc thủy tinh
7.	Xác định hàm lượng ion clorua	TCVN 6194:1996	Bình thủy tinh có vòi, cân KT, phễu lọc thủy tinh
<b>XI</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG VÀ HIỆN TRƯỜNG</b>		
1.	Xác định khối lượng thể tích riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	Bình tỷ trọng, cân KT, bếp điện
2.	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:2012	Tủ sấy, cân Kt, hộp đựng mẫu...
3.	Xác định giới hạn bên dẻo, giới hạn chảy dẻo	TCVN 4197:2012	Tủ sấy, cân Kt
4.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012	Sàng TC, tủ sấy
5.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012	Máy cắt phẳng, dao vòng...
6.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không hở hông	TCVN 4200:2012	Máy nén tam liên, dao vòng
7.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012	Chày, cối đầm, cân KT
8.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012	Cân Kt, tủ sấy, dao vòng
9.	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06	Tủ sấy, cân Kt, hộp đựng mẫu, phễu...
10.	Xác định môđun đàn hồi E chung của kết cấu bằng cân đo vống Benkelman	TCVN 8867:2011	Cân Benkelman, đồng hồ...
11.	Thí nghiệm CBR ngoài hiện	ASTM D4429-92	Phễu rót cát, cân

	trường		Kt, hộp đựng mẫu
<b>XII</b>	<b>THỬ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG</b>		
1.	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực	TCVN 7937-1:2013	Máy kéo nén thép...

## 2. Danh sách máy móc, thiết bị

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ghi chú
1	2	3	4
	<b>Máy móc, thiết bị</b>		
1	Máy thử độ bền kéo - nén - uốn WE-1000B	Phạm vi đo: (0÷1000)kN	
2	Máy thử độ bền nén NVL-300	Phạm vi đo (0 ÷60)kN, giá trị độ chia 0,2 kN; Phạm vi đo (0 ÷150)kN, giá trị độ chia 0,5 kN; Phạm vi đo (0 ÷300)kN, giá trị độ chia 1,0 kN	
3	Máy uốn điện động DKZ	Tỉ lệ suất đòn bẩy đơn max: 10:1; Tỉ lệ suất đòn bẩy kép max: 50:1; Lực suất max 5000N; Đồ gá chịu gãy: đường kính lỗ tăng tải và lỗ đỡ $\Phi$ 10mm, k/cách lỗ đỡ 100mm, k/cách giữa tấm giá kéo 46mm; Sai lệch tương đối trị số < $\pm 1\%$	
4	Máy trộn vữa xi măng JJ-5	Đặc trưng kỹ thuật theo TCVN 6016-95	
5	Tủ sấy 101-2A	Nhiệt độ làm việc max 300°C; phạm vi điều chỉnh nhiệt độ (10 ÷ 300) °C; Dung sai nhiệt độ (khi max) $\pm 9^\circ\text{C}$	
6	Cân kỹ thuật VIBRA	Max: 60kg; Giá trị độ chia nhỏ nhất 0,01g	

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ghi chú
7	Tủ dưỡng mẫu HBY-20B	Phạm vi đo: $(0 \div 99,9) ^\circ\text{C}$ ; $(0 \div 100) \%$ ; Độ phân giải $0,1^\circ\text{C}/\text{digit}$ ; $1\%/\text{digit}$	
8	Máy dẫn tạo mẫu xi măng ZS-15	Đặc trưng kỹ thuật theo TCVN 6016-95	
9	Máy thử độ bền nén JYS-200	Phạm vi đo $(0 \div 2000)\text{kN}$	
10	Máy CBR	Phạm vi đo: $0 \div 1200 \text{ N}$ ; Giá trị đọc $0,01\text{mm}$	
11	Cần Benkelman	Phạm vi đo: $(0 \div 10)\text{mm}$ ; Giá trị đọc: $0,01\text{mm}$	
12	Lò nung	Phạm vi đo: $(50 \div 1200)^\circ\text{C}$ ; Độ phân giải: $1,0 ^\circ\text{C}$	
13	Cung ứng biến (Máy cắt phẳng)	Phạm vi đo: $0 \div 1200 \text{ N}$ ; Giá trị đọc $0,01\text{mm}$	
14	Máy nén mẫu bê tông	Phạm vi đo: $0 \div 1200 \text{ N}$ ; Giá trị đọc $0,01\text{mm}$	
15	Bể ổn nhiệt	Phạm vi đo: $\text{Max} 1100^\circ\text{C}$ ; Độ phân giải: $0,1 ^\circ\text{C}$	
16	Máy mài mòn Los Angeles	Kích thước: $1000 \times 730 \times 1200\text{mm}$ ; Tốc độ vòng quay $30\text{-}33$ vòng/phút; Thiết bị kèm 12 bi thép D48	
	<b>Thiết bị khác</b>		
1	Máy đo chiều dày lớp phủ bê tông, xác định vị trí và đường kính cốt thép		
2	Bộ phá mẫu bằng thủy tinh		
3	Bộ thí nghiệm cơ - lý đất đá trong phòng và hiện trường (Trộn bộ)		
4	Máy khoan lấy mẫu hiện trường		

<b>TT</b>	<b>Tên máy móc, thiết bị</b>	<b>Đặc trưng kỹ thuật</b>	<b>Ghi chú</b>
5	Bộ cân thủy tĩnh		
6	Thước cặp hiện số		
7	Máy lọc sàng		
8	Máy nghiền bi		
9	Sàng độ mịn xi măng tiêu chuẩn		
10	Thùng lọc mẫu 31lít		
11	Khuôn Chatelier		
12	Bộ gá đo khuôn (Model LD50)		
13	Bộ sàng tiêu chuẩn cốt liệu		
14	Khuôn tạo mẫu (40 x 40 x 160)mm		
15	Khuôn tạo mẫu (25,4 x 25,4 x 285.75)mm		
16	Bộ dụng cụ đo		
17	Bộ sàng đất tiêu chuẩn		
18	Máy dẫn tạo mẫu model MLD2		
19	Ổng đong các loại		
20	Dụng cụ chuẩn Buret		
21	Thùng ngâm mẫu		
22	Khay đựng mẫu		
23	Bàn rung đúc mẫu vữa, bê tông		
24	Máy trộn vữa xi măng		
25	Máy trộn bê tông		
26	Máy cắt bê tông, gạch, đá		
27	Máy đo độ ổn định Mashall		
28	Tủ bảo dưỡng xi măng tốc độ nhanh		
29	Khuôn thử mẫu uốn xi măng		
30	Dao gạt phẳng mẫu		
31	Khuôn thử lực ép BT nổi đơn		
32	Khuôn đúc thí nghiệm vữa xi măng		
33	Khuôn thử bê tông nổi 3		
34	Khuôn thử uốn bê tông		

<b>TT</b>	<b>Tên máy móc, thiết bị</b>	<b>Đặc trưng kỹ thuật</b>	<b>Ghi chú</b>
35	Súng bật nảy thử cường độ bê tông		
36	Bộ côn thử độ sụt bê tông		
37	Khuôn đúc mẫu BT (150x150x150)mm		
38	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ		
39	Khuôn đúc mẫu vữa (70,7x70,7x70,7)mm		
40	Khuôn đúc mẫu thử cường độ XM		
41	Đồng hồ bấm giây		
42	Ống đong thủy tinh các loại		
43	Pipet các loại 2 - 10ml		
44	Bình khối lượng riêng của xi măng		
45	Thiết bị xác định tỉ diện xi măng		
46	Thiết bị VIKA xác định thời gian ninh kết xi măng		
47	Khuôn thử độ ổn định thể tích xi măng (PPLe)		
48	Nhiệt kế (0÷ 100)°C và từ (0 ÷ 300) °C		
49	Bộ sàng cát, đá		
50	Thước kẹp cơ khí		
51	Máy cắt thép loại nhỏ		
52	Bộ dụng cụ TN độ hấp phụ của cát theo TCVN 7572-2006		
53	Bộ giá + phễu xác định KLTT đá dăm		
54	Ống đong thép loại 5 và 10 lít		
55	Bộ giá + phễu xác định KLTT cát + ống đong loại 1 lít		
56	Cân kỹ thuật 10kg		

### 3. Danh sách nhân sự bộ phận thí nghiệm VLXD:

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn, Chứng chỉ đào tạo	Phân công nhiệm vụ
1	Hoàng Văn Hiếu	Kỹ sư Xây dựng dân dụng; Các chứng chỉ đào tạo: - PP xác định các tính chất cơ lý Bê tông và Vật liệu xây dựng; - PP thử các tính chất cơ - lý của Vật liệu xây dựng và Liên kết hàn;	Quản lý phòng thí nghiệm, quản lý máy móc thiết bị, phân công, lập kế hoạch, kiểm tra, đôn đốc các nhiệm vụ được giao. Cùng tham gia thí nghiệm với các thí nghiệm viên: - Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý đất đá; - Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý bê tông, gạch bê tông; - Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của thép xây dựng; - thí nghiệm hiện trường.
2	Vy Văn Hạnh	Cử nhân Luật Kinh tế; Các chứng chỉ đào tạo: - PP xác định các tính chất cơ lý Bê tông và Vật liệu xây dựng; - PP thử các tính chất cơ - lý của Vật liệu xây dựng và Liên kết hàn;	Thí nghiệm viên phục vụ công tác thí nghiệm vật liệu xây dựng: - Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý đất đá; - Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý bê tông, gạch bê tông; - Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của thép xây dựng; - Thí nghiệm các chỉ tiêu hoá- lý của nước.